**CHƯƠNG 3 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ**

**NGHĨA XÃ HỘI**

Câu 1. Cách hiểu nào dưới đây không đúng về chủ nghĩa xã

hội?

A. Là một phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống các

giai cấp thống trị.

B. Là trào lưu tư tưởng, lí luận phản ánh lí tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp

bức, bóc lột, bất công.

C. Là một khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và

tư duy.

D. Là một chế độ xã hội hiện thực tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế –

xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Câu 2. Tác phẩm Phê phán cương lĩnh Gota của

A. C. Mác.

B. Ph. Ăngghen.

C. C. Mác và Ph. Ăngghen.

D. V.I. Lênin.

Câu 3. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

“Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kì cải biến

cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kì ấy là một ...... chính trị,

và nhà nước của thời kì ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách

mạng của giai cấp vô sản” (C. Mác).

A. thời kì quá độ.

B. giai đoạn.

C. hình thái.

D. thể chế.

Câu 4. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

Lênin cho rằng: “Về lí luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản

và chủ nghĩa cộng sản, có một ...... nhất định”.

A. thời kì cách mạng.

B. thời kì chuyển giao.

C. thời kì quá độ.

D. thời kì cải biến

Câu 5. Từ thực tiễn nước Nga, V.I. Lênin cho rằng: Đối với những nướcchưa có chủ

nghĩa tư bản phát triển cao, cần phải có một thời kì quá độ

A. khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

B. khá nhanh chóng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

C. rất nhanh từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

D. rất lâu dài và gian khổ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 6. Theo các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, quá độ lên chủ nghĩa xã

hội có hai hình thức là

A. nhanh và chậm.

B. đơn giản và phức tạp.

C. trực tiếp và gián tiếp.

D. sớm và muộn

Câu 7. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

Lênin viết: “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có

thể tiến tới chế độ Xô viết, và qua những giai đoạn phát | triển nhất định, tiến tới chủ

nghĩa cộng sản, không phải trải qua … phát triển tư bản chủ nghĩa”.

A. chế độ.

B. giai đoạn.

C. quá trình.

D. hình thức.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây không phải là điều kiện dẫn tới sự ra đời của chủ

nghĩa xã hội? A. Sự phát triển của lực lượng sản xuất.

B. Sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

C. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trở nên lỗi thời.

D. Mong muốn chủ quan của giai cấp công nhân.

Câu 9. Giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con

người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện là đặc trưng của

A. chủ nghĩa xã hội.

B. chủ nghĩa tư bản.

C. xã hội phong kiến.

D, xã hội chiếm hữu nô lệ.

Câu 10. Đặc trưng nào dưới đây thể hiện sự khác biệt về CHẤT giữa chủ nghĩa xã hội

với các chế độ xã hội khác?

A. Có quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất.

B. Là chế độ giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con

người

C. Có nền văn hoá phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hoá

dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại.

D. Bảo đảm, đoàn kết giữa các dân tộc.

Câu 11. Nội dung nào dưới đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã

hội?

A. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ

công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu

B. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công

hữu về tư liệu sản xuất.

C. Phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

D. Xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, tổ chức lao động theo trình độ cao hơn.

Câu 12. Khi phân tích về thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, người đầu tiên đặt vấn đề

phải học tập các kinh nghiệm tổ chức, quản lý kinh tế của chủ nghĩa tư bản để cải tạo

nền kinh tế tiểu nông lạc hậu là

A. C. Mác..

B. Ph. Ăngghen.

C. VI. Lênin.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 13. Ai là người đưa ra quan điểm: “Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng

chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước,

tiến lên chủ nghĩa xã hội”? A. C. Mác. Sider

B. Ph. Ăngghen.

C. VI. Lênin.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 14. Ai cho rằng: “Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính

quyền Xô viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kĩ thuật và cách tố chức các tơ-rớt ở Mỹ +

ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc.++= 2 (tổng số) = chủ nghĩa xã hội”?

A. C. Mác.

B. Ph. Ăngghen.

C. V.I. Lênin.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 15. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, nhà nước mang bản chất của giai cấp,

tầng lớp nào dưới đây?

A. Giai cấp công nhân.

B. Nhân dân lao động.

C. Tầng lớp trí thức.

D. Giai cấp tư sản.

Câu 16. Nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp

bọn bóc lột, bọn áp bức nhân dân bằng vũ lực là

A, nhà nước chiếm hữu nô lệ.

B. nhà nước phong kiến.

C. nhà nước tư sản..

D. nhà nước vô sản.

Câu 17. Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình

bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra” là câu nói của

A. C. Mác.

B. Ph. Ăngghen.

C. V.I. Lênin.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 18. Người đầu tiên đưa chủ nghĩa xã hội từ lí thuyết thành thực

tiễn sinh động là A. C. Mác

B. V.I. Lênin.

C. IV. Stalin.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 19. Ai là người đưa ra tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với

chủ nghĩa xã hội A. V.I. Lênin.

B. Hồ Chí Minh,

C. Đặng Tiểu Bình.

D. Phạm Văn Đồng.

Câu 20. Câu nói: “Chủ nghĩa xã hội hay là chết” là của.

A. V.I. Lênin.

B. Fidel Castro.

C. Hồ Chí Minh.

D. Đặng Tiểu Bình.

Câu 21. Điền từ ngữ thích hợp để hoàn thành đoạn trích trong tác phẩm Hệ tư tưởng

Đức của C. Mác: “Đối với chúng ta, chủ nghĩa các không phải là một ...... cần phải sáng

tạo ra, không phải là một hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là

. phong trào ...... nó xoá bỏ trạng thái hiện nay.

A. lí tưởng, trạng thái, hiện thực.

B. trạng thái, lí tưởng, hiện thực.

C. trạng thái, hiện thực, lí tưởng.

D. hiện thực, lí tưởng, trạng thái.

Câu 22. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Vậy thì danh từ ...... có nghĩa là gì? Vận dụng

vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những

bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội? Bất cứ ai cũng đều

thừa nhận là có” (V.I. Lênin). | A. quá độ. .

B. nhảy vọt.

C. phát triển.

D. đan xen.

Câu 23. Nội dung nào dưới đây là đặc điểm nổi bật của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã

hội?

A. Sự đan xen vừa thống nhất vừa đấu tranh giữa những yếu tố của xã hội cũ và những

nhân tố mới của chủ nghĩa xã hội.

B. Sự xác lập vai trò thống trị của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là

Đảng Cộng sản. C. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

D. Tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng vật chất – kĩ thuật cho

chủ nghĩa xã hội.

Câu 24. Nội dung nào dưới đây là thực chất của thời kì quá độ?

A. Thời kì cải biến cách mạng từ xã hội tiền tự bản và tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã

hội chủ nghĩa.

B. Thời kì tiếp tục cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp

tư sản.

C. Thời kì giai cấp công nhân phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất - kĩ

thuật cho chủ nghĩa xã hội..

D. Thời kì giai cấp công nhân tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất

nước.

Câu 25. Nội dung nào dưới đây là đặc điểm kinh tế của thời kì quá độ

lên chủ nghĩa xã hội?

A. Tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

B. Tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần

C. Tồn tại duy nhất thành phần kinh tế tập thể.

D. Phát triển lực lượng sản xuất.

Câu 26. Nội dung nào dưới đây không phải là đặc điểm chính trị của thời kì quá độ lên

chủ nghĩa xã hội?

A. Thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản.

B. Tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau.

C. Giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp

giai cấp tư sản. . D. Giai cấp công nhân tổ chức xây dựng và bảo vệ

chế độ mới.

Câu 27. Tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản đã chiến thắng nhưng

chưa hoàn toàn chiến thắng với giai cấp tư sản đã thất bại nhưng chưa phải thất bại

hoàn toàn là đặc điểm của thời kì quá độ trên phương diện

A. chính trị.

B. kinh tế.

C. tư tưởng, văn hoá.

D, xã hội.

Câu 28. Nội dung nào dưới đây là đặc điểm trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá của thời kì

quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

A. Tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp.

B. Tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau.

C. Tồn tại sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay,

D. Tồn tại nhiều thành phần kinh tế đối lập

Câu 29. Giai cấp công nhân từng bước xây dựng văn hoá vô sản, nền văn hoá mới xã

hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hoá dân tộc văn hoá nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu

cầu văn hoá tinh càng tăng của nhân dân là đặc điểm của thời kì quá độ trên phương

diện

A. chính trị.

B. kinh tế.

C. tư tưởng, văn hoá. .

D. xã hội.

Câu 30. Nội dung nào dưới đây không phải là đặc điểm trên lĩnh vực của thời kì quá độ

lên chủ nghĩa xã hội?

A. Tồn tại sự khác biệt giữa thành thị, nông thôn.

B. Tồn tại sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

C. Tồn tại nhiều hủ tục, tệ nạn xã hội.

D. Tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau.

Câu 31. Nội dung nào dưới đây là con đường phát triển của cách mạng Việt Nam được

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trong Chánh cương vắn của Đảng?

A. Làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để đi thẳng tới chế độ cộng sản chủ

nghĩa.

B. Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội hội

cộng sản.

C. Làm thổ địa cách mạng và tư sản dân quyền cách mạng để đi tới xã hội

cộng sản. D. Làm tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi thẳng tới xã hội xã hội

chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Câu 32. Con đường quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam được đề cập

lần đầu tiên ở văn kiện nào dưới đây của Đảng?

A. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng tháng 2 năm 1930.

B. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930.

C. Chính cương của Đảng Lao động tháng 2 năm 1951.

D. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội tháng 6

năm 1991.I

Câu 33. Con đường cách mạng Việt Nam là quá độ lên chủ nghĩa xã hội

bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là một tất yếu vì

A. Đảng Cộng sản Việt Nam đã có đường lối đúng đắn.

B. sự phát triển của lực lượng sản xuất.

C. phù hợp với đặc điểm của đất nước và xu thế phát triển của thời đại.

D. đáp ứng được nguyện vọng và mong ước của nhân dân ta.

Câu 34. Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước ta

bắt đầu từ năm A. 1945.

B. 1954.

C. 1975.

D. 1986.

Câu 35. Quan điểm: Lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu trong chặng đường đầu

tiên của thời kì quá độ, được Đảng ta nêu tại

A. Đại hội IV.

B. Đại hội V. .

C. Đại hội VI. .

D.. Đại hội VII.

Câu 36. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

(1991) đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta có sáu đặc trưng, được Đảng

Cộng sản Việt Nam thông qua tại A. Đại hội VI.

B. Đại hội VII.

C. Đại hội VIII.

D. Đại hội IX.

Câu 37. Nội dung nào dưới đây không phải là đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà Đảng

Cộng sản Việt Nam xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ

lên chủ nghĩa xã hội (1991)? A. Do nhân dân lao động làm chủ.

B. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ

công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

C. Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

D. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Câu 38. Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi

lên chủ nghĩa xã hội không chỉ dừng ở nhận thức định hướng, định tính mà từng bước

đạt tới trình độ định hình, định lượng tại

A. Đại hội VI. .

B, Đại hội VII.

C. Đại hội VIII.

D. Đại hội IX.

Câu 39. Tại Đại hội Đảng nào dưới đây, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “... thời

kì phát triển mới – đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”?

A. Đại hội VI (1986).

B. Đại hội VII (1991).

C. Đại hội VIII (1996).

D. Đại hội IX (2001)

Câu 40. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua yếu tố

nào dưới đây của chủ nghĩa tư bản?

A. Bỏ qua nhà nước của giai cấp tư sản và bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của kiến

trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

B. Bỏ qua cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa

C. Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư

bản chủ nghĩa.

D. Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ

nghĩa.

Câu 41. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển

kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường là phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã

hội được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra tại

A. Đại hội VI. .

B. Đại hội VII.

C. Đại hội VIII.

D. Đại hội IX.

Câu 42. Tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng

được thể hiện trong văn kiện nào dưới đây của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).

B. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991).

C. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (4/2001).

D. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (2011).

Câu 43. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng

định: “Xã hội chủ nghĩa là xã hội “dân giàu, nước mạnh … công bằng, văn minh”

A. dân chủ.

B. bình đẳng.

C. hạnh phúc.

D. tự do

Câu 44. Nguyên tắc phân phối cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ

nghĩa xã hội là

A. theo lao động.

B. theo nhu cầu.

C. theo cổ phần.

D. theo nguyên tắc bình quân chủ nghĩa.

Câu 45. Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc nào dưới đây của Đảng Cộng sản Việt Nam

được gọi là Đại hội Đổi mới đất nước?

A. Đại hội IV.

B. Đại hội V.

C. Đại hội VI.

D. Đại hội VIII.

Câu 46. Nội dung nào dưới đây không phải là đặc điểm cơ bản của thời kì quá độ bỏ

qua chế độ tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội ở | Việt Nam?

A. Xuất phát từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, với lực lượng sản

xuất thấp.

B. Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư

bản lên chủ nghĩa xã hội.

C. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ

hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ.

D. Giao thoa, tiếp biến văn hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

Câu 47. Nội dung nào dưới đây không phải là phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội

ở Việt Nam hiện nay được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì

quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011)?

A. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an

toàn xã hội.

C. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên

thế giới.

D. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Câu 48. Nội dung nào dưới đây là đặc trưng thể hiện mục tiêu của xã hội xã hội chủ

nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng?

A. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh,

B. Do nhân dân làm chủ.

C. Có nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

D. Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân

dân. Câu 49. Nội dung nào dưới đây không phải là phương hướng xây dựng chủ

nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay?

A. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri

thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

B. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục.

D. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Câu 50. Nội dung nào dưới đây không phải là mối quan hệ lớn được Đại hội XII xác

định cần nhận thức và giải quyết?.

A. Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

B. Giữa đổi mới, ổn định và phát triển.

C. Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lí và nhân dân làm chủ.

D. Giữa giữ gìn bản sắc và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại

CHƯƠNG 4 DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI

CHỦ NGHĨA

Câu 1. “Dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ” là quan điểm

của

A. C. Mác.

B. Ph. Ăngghen.

C. V.I. Lênin

D. Hồ Chí Minh.

Câu 2. Theo quan niệm từ thời cổ đại, dân chủ là

A. quyền bình đẳng tuyệt đối của con người.

B. quyền lực thuộc về thiểu số người trong xã hội.

C. quyền tự do không giới hạn của mỗi người.

D. quyền lực thuộc về nhân dân.

Câu 3. Quan niệm nào sau đây không đúng về dân chủ?

A. Dân chủ là một trong những nguyên tắc tổ chức quản lý nhà nước.

B. Dân chủ là quyền tự do tuyệt đối của con người.

C. Dân chủ là một giá trị chung của nhân loại.

D. Dân chủ là một hình thái nhà nước.

Câu 4. Theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, dân chủ phản ánh cuộc đấu tranh

của nhân dân lao động chống lại áp bức, cường quyền, vì thế dân chủ được coi là

một

A. giá trị xã hội. ..

B. yếu tố xã hội.

C. tổ chức xã hội.

D. thành phần xã hội.

Câu 5. “Quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân tự tổ chức và thực hiện trước hết và chủ

yếu là thông qua nhà nước của mình” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Dân chủ.

B. Bình đăng.

C. Hạnh phúc..

D. Tự do.

Câu 6. Nền dân chủ xuất hiện khi

A. có xã hội loài người.

B. có nhà nước vô sản.

C. có nhà nước.

D. có công cụ lao động.

Câu 7. Mức độ, phạm vi tham gia thật sự của quần chúng nhân dân vào công việc quản

lý nhà nước phản ánh

A. cấu trúc của nền dân chủ.

B. trình độ phát triển của nền dân chủ.

C. quá trình đấu tranh giành dân chủ.

D. sự ra đời của nền dân chủ.

Câu 8. Dân chủ có sự ra đời, tồn tại và phát triển trong một giai đoạn nhé. và sẽ mất đi

khi trong xã hội không còn giai cấp, vì thế, dân chủ là

A. yếu tố văn hoá.

B, thành phần của xã hội. .

C. phạm trù lịch sử.

D. phạm trù giai cấp

Câu 9. Trên phương diện quyền lực, dân chủ là

A, quyền lực thuộc về nhân dân.

B. một hình thức hay hình thái nhà nước.

C. một nguyên tắc – nguyên tắc dân chủ.

D. một quan niệm – quan niệm về dân chủ, về tinh thần dân chủ.

Câu 10. Trên phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính

trị, dân chủ là A. quyền lực thuộc về nhân dân.

B. một hình thức hay hình thái nhà nước.

C. một nguyên tắc – nguyên tắc dân chủ.

D. một quan niệm - quan niệm về dân chủ, về tinh thần dân chủ,

Câu 11. Trên phương diện tư tưởng, dân chủ là .

A. dân chủ công xã.

B. dân chủ sơ khai.

C. dân chủ nguyên thuỷ.

D. dân chủ cộng sản.

Câu 12. Trên phương diện tổ chức và quản lí xã hội, dân chủ là

A. quyền lực thuộc về nhân dân.

B. một hình thức hay hình thái nhà nước.

C. một nguyên tắc – nguyên tắc dân chủ.

D. một quan niệm – quan niệm về dân chủ, về tinh thần dân chủ.

Câu 13. Câu nói: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ,mà chính

phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân” là của ai?

A. Hồ Chí Minh.

B. Võ Nguyên Giáp.

C. Phạm Văn Đồng.

D. Nguyễn Phú Trọng.

Câu 14. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện khẳng định sau

“Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng... xây dựng và phát

huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”

A. lấy dân làm nền tảng.

B. lấy dân làm gốc.

C. lấy dân làm đích..

D. lấy dân làm chỗ dựa.

Câu 15. Trong chế độ cộng sản nguyên thuỷ đã xuất hiện hình thức manh nha của

dân chủ mà Ph. Ăngghen gọi là

A. dân chủ công xã.

B. dân chủ sơ khai.

C. dân chủ nguyên thuỷ.

D. dân chủ cộng sản.

Câu 16. Với tư cách là một hình thái nhà nước, một chế độ chính trị, lịch sử nhân loại

có ba nền dân chủ là

A. dân chủ chủ nô, dân chủ phong kiến và dân chủ tư sản.

B. dân chủ chủ nô, dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa.

C. dân chủ nguyên thuỷ, dân chủ phong kiến và dân chủ tư sản.

D. dân chủ nguyên thuỷ, dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 17. Hình thái kinh tế – xã hội nào dưới đây không có nền dân chủ?

A. Chiếm hữu nô lệ.

B. Phong kiến.

C. Tư bản chủ nghĩa.

D. Cộng sản chủ nghĩa.

Câu 18. Nền dân chủ nào dưới đây là nền dân chủ rộng rãi nhất

trong | lịch sử? A. Dân chủ cộng sản nguyên thuỷ.

B. Dân chủ chủ nô.

C. Dân chủ tư sản.

D. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 19. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ mang bản chất của

A. giai cấp công nhân.

B. giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức

C. giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

D. giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản.

Câu 20. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ do

A. Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

B. Đảng cầm quyền lãnh đạo.

C. Đảng của nhân dân lãnh đạo.

D. Đảng của trí thức lãnh đạo.

Câu 21. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên hệ tư tưởng của giai cấp, tầng lớp

nào sau đây?

A. Giai cấp công nhân.

B. Giai cấp nông dân.

C. Giai cấp tư sản.

D. Tầng lớp trí thức.

Câu 22. Nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, ở đó quyền lực thuộc

về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện

chứng; được thực nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng

Cộng sản là nền dân chủ A. nguyên thuỷ.

B. chủ nô.

C. phong kiến

D. xã hội chủ nghĩa

Câu 23. Khái niệm “dân chủ xã hội chủ nghĩa” đồng nghĩa với thế

nào dưới đây?

D. Dân chủ vô sản.

Câu 24. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa về cơ bản thống nhất với khái niệm

nào dưới đây?

A. Chuyên chính vô sản.

B. Chủ nghĩa xã hội.

C. Xã hội xã hội chủ nghĩa.

D. Chính đảng của giai cấp công nhân.

Câu 25. Không ngừng mở rộng dân chủ, nâng cao mức độ giải phóng cho những người

lao động, thu hút họ tham gia tự giác vào công việc quản lý nhà nước, quản lí xã hội là

A. nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ chủ nô.

B. nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ tư sản.

C. nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

D. nội dung cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 26. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trên thế giới chính thức được xác lập gắn với sự

kiện nào sau đây?

A. Công xã Pari ra đời (1871).

B Cách mạng tháng Hai Nga (1917)

C. Cách mạng tháng Mười Nga (1917).

D. Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam (1945).

Câu 27. Nội dung nào dưới đây không phải là đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã

hội chủ nghĩa?

A. Thực hiện dân chủ với mọi tầng lớp, mọi giai cấp trong xã hội.

B. Đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.

C. Có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ

yếu của xã hội D. Kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể và xã

hội.

Câu 28. Cơ sở kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là

A. nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

B.chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội.

C chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

D, nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Câu 29. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

Bán chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ ...... So với nền dân chủ tư sản, 15 nền dân chủ

mà ở đó mọi quyền lực thuộc về nhân dân, ......dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống

nhất biện chứng, được thực hiện bằng ...đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

A, cao nhất; của dân, do dân, vì dân; quyền lực nhà nước.

B, tuyệt đối, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; Hiến pháp và pháp luật.

C. cao hơn về chất; dân là chủ và dân làm chủ, Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa.

D. tuyệt đối; dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; Hiến pháp và pháp luật.

Câu 30. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nhận định trong tác phẩm

Phê phán cương lĩnh Gota: “Quyền không bao giờ có thể ở mức độ cao hơn chế độ......

và sự phát triển văn hoá của xã hội do chế độ... đó quyết định”.

A. chính trị.

B. kinh tế.

C. xã hội.

D. nhà nước.

Câu 31. Trong việc thực hiện quyền dân chủ trên lĩnh vực chính trị, công dân sẽ

không thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Ứng cử và bầu cử.

B. Tham gia quản lý nhà nước.

C. Kiểm tra, thanh tra mọi hoạt động của nhà nước.

D. Tham gia giám sát mọi hoạt động của nhà nước.

Câu 32. “Thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”

là câu nói của ai?

A. V.I. Lênin.

B. Mao Trạch Đông.

C. Hồ Chí Minh.

D. Phạm Văn Đồng.

Câu 33. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện khẳng định của Đảng Cộng

sản Việt Nam trong Cương lĩnh năm 1991:

“Dân chủ gắn liền với ..... xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc Sống trên tất cả

các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do

nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ ….”

A. công bằng, trực tiếp

B. bình đẳng, trực tiến

.C. công bằng gián tiếp.

D. bình đẳng, gián tiếp,

Câu 34. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện khẳng định của Đảng Cộng

sản Việt Nam trong Cương lĩnh năm 1991: “Dân với ......, kỷ cương, phải được thể chế

hoá bằng ...... và ...... bảo đảm”

A. kỉ luật; hiến pháp; hiến pháp.

B. kỉ luật, pháp luật, pháp luật.

C. đảm bảo, pháp luật, pháp luật.

D. đảm bảo; hiến pháp; hiến pháp.

Câu 35. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự kết hợp hài hoà về

A. quan điểm giữa cá nhân, tập thể với toàn xã hội.

B. văn hoá giữa cá nhân, tập thể với toàn xã hội.

C. lợi ích giữa cá nhân, tập thể với lợi ích của toàn xã hội.

D. nhận thức giữa cá nhân, tập thể với toàn xã hội.

Câu 36. Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập

A. sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930.

B. sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

C. sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

D. sau đại thắng mùa xuân năm 1975.

Câu 37. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Trong toàn bộ hoạt động của mình,

Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ

của nhân dân lao động trong Đại hội nào dưới đây? A. Đại hội IV.

B. Đại hội V.

C. Đại hội VI.

D. Đại hội VII.

Câu 38. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Chúng ta xác định mối quan hệ Đảng

lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lí thành cơ chế chung trong quản lí toàn bộ

xã hội” trong Đại hội nào dưới đây:

A. Đại hội VI.

B. Đại hội VII.

C. Đại hội VIII.

D. Đại hội IX

Câu 39. Định hướng nào dưới đây không phải là định hướng nhằm phát huy dân chủ xã

hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

A Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh

tế vững chắc. B. Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư

cách là điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

C. Xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội, phát

huy quyền làm chủ của nhân dân.

D.phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội bằng cách tách các tổ chức. này ra

ngoài hệ thống chính trị nhằm tăng tính độc lập của các tổ chức

Câu 40. Nguyên nhân nào dưới đây dẫn tới sự xuất hiện của nhà nước?

A. Sự xuất hiện của chế độ tư hữu và phân chia giai cấp.

B. Sự xuất hiện chế độ tư bản chủ nghĩa và phân chia giai cấp.

C. Sự xuất hiện của chế độ phong kiến và phân chia giai cấp.

D. Sự xuất hiện của chế độ xã hội chủ nghĩa và phân chia giai cấp.

Câu 41. Căn cứ vào tính chất của quyền lực, nhà nước có chức năng

nào dưới đây?

A. Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

B. Chức năng quản lý kinh tế và quản lí chính trị.

C. Chức năng giai cấp và chức năng xã hội.

D. Chức năng lãnh đạo và chức năng giám sát.

Câu 42. Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực, nhà nước có chức năng

nào dưới đây?

A. Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

B. Chức năng quản lý kinh tế và quản lí chính trị.

C. Chức năng giai cấp và chức năng xã hội.

D. Chức năng lãnh đạo và chức năng giám sát..

Câu 43. Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước có

A. chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

B. chức năng chính trị, kinh tế, văn hoá..

C. chức năng giai cấp và chức năng xã hội.

D. chức năng lãnh đạo và chức năng giám sát

Câu 44. Trong xã hội có giai cấp, nhà nước luôn mang bản chất của

A. giai cấp có lực lượng đông đảo nhất.

B. giai cấp có trình độ cao nhất.

C. giai cấp thống trị xã hội.

D. giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến.

Câu 45. Nhà nước tư sản mang bản chất của giai cấp

A. chủ nô.

B. địa chủ.

C. tư sản.

D. công nhân.

Câu 46. Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp

A. chủ nổ.

B. địa chủ.

C. tư sản

D. công nhân.

Câu 47. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu

sắc, vừa có bản chất của giai cấp

A. công nhân.

B. địa chủ.

C. tư sản.

D. chủ nô.

Câu 48. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế xã

hội chủ nghĩa, đó là

A. quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu.

B. quan hệ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu.

C. vừa quan hệ sở hữu tư nhân vừa quan hệ sở hữu xã hội về tư liệu sản

xuất chủ yếu D. chủ yếu là quan hệ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất.

Câu 49. Về văn hoá, xã hội, nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền

tảng tinh thần là

A. tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

B. tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và những giá trị văn hoá tiên tiến của

nhân loại, đồng thời mang bản sắc riêng của dân tộc.

C. lí luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và những giá trị văn hoá tiên tiến của nhân loại

D. lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và những giá trị văn hoá tiên tiến của nhân loại, đồng

thời mang bản sắc riêng của dân tộc..

Câu 50. Nhà nước của giai cấp bóc lột thực hiện chức năng nào dưới

đây là chủ yếu A. Chức năng đối nội.

B. Chức năng đối ngoại.

C. Chức năng bạo lực trấn áp.

D. Chức năng tổ chức, xây dựng

Câu 51. Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong thời kì quá độ thực hiện chức năng bạo lực

trấn áp, nhưng đó là sự trấn áp của

A. thiểu số bóc lột với nhân dân lao động.

B. nhân dân lao động đối với thiểu số bóc lột

C. nhân dân lao động với lực lượng chậm tiến.

D. giai cấp bóc lột đối với thiểu số chậm tiến.

Câu 52. Câu nói “Bất cứ một nhà nước nào cũng đều có nghĩa là dùng bạo lực nhưng

toàn bộ sự khác nhau là ở chỗ dùng bạo lực đối với những người bị bóc lột hay đối với

kẻ đi bóc lột” là của

A. C. Mác,

B. Ph. Angghen.

C. V.I. Lênin.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 53:Nội dung chủ yếu và mục đích cuối cùng của nhà nước xã

hội chủ nghĩa là

A. bạo lực trấn áp đối với thiểu số bóc lột.

B. bạo lực trấn áp đối với thiểu số bóc lột, cải tạo xã hội cũ.

C cải tạo xã hội cũ, đưa giai cấp công nhân lên địa vị làm chủ.

D. cải tạo xã hội cũ, xây dựng thành công xã hội mới.

Câu 54. Nhà nước mà ở đó sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách

mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã

hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị phát triển cao là nhà nước. làm chủ trên tất cả các

mặt của đời sống xã hội trong một xã hội trong một xã hội phát triển cao là nhà nước

A. cộng sản chủ nghĩa.

B. xã hội chủ nghĩa.

C. tư sản.

D. phong kiến.

Câu 55. Nhà nước xã hội chủ nghĩa hiện thực đầu tiên được thành lập ở

A. Liên Xô.

B. Trung Quốc.

C. Cu Ba.

D. Việt Nam.

Câu 56. Đảng Cộng sản Việt Nam rút ra bốn bài học chủ yếu, trong đó có bài học: “Đổi

mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn

sáng tạo” tại Đại hội nào dưới đây?

A. Đại hội VI (1986).

B. Đại hội VII (1991).

C. Đại hội VIII (1996).

D. Đại hội IX (2001).

Câu 57. Thành tố dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được đưa vào tên của chủ đề Đại hội

nào của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Đại hội VIII (1996).

B. Đại hội X (2006).

C. Đại hội XI (2011).

D. Đại hội XII (2016).

Câu 58. Các quy chế dân chủ từ cơ sở cho đến Trung ương và trong các | tổ chức

chính trị - xã hội đều thực hiện phương châm

A, “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

B, “dân biết, dân làm, dân kiểm tra”.

C, “dân biết, dân tham gia, dân làm, dân kiểm tra”,

D, “dân bàn, dân tham gia, dân kiểm tra”.

Câu 59. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được la | bởi tổ chức, cơ

quan nào dưới đây?

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Quốc hội.

C. Mặt trận Tổ quốc

D. Các tổ chức chính trị - xã.

Câu 60. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước

A. của dân, do dân, vì dân, do công nhân lãnh đạo.

B. của dân, do dân, vì dân, do nông dân lãnh đạo.

C. của dân, do dân, vì dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo,

D. có lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội.

Câu 61. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang bản chất của giai cấp,

tầng lớp nào sau đây?

A. Công nhân.

B. Công nhân và nông dân.

C. Nông dân và đội ngũ tri thức.

D. Tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Câu 62. Tổ chức nào dưới đây đóng vai trò trụ cột trong hệ thống chính trị ở nước

ta hiện nay?

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Mặt trận Tổ quốc.

D. Các tổ chức chính trị - xã hội.

Câu 63. Quyền lực Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

A. thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa ba cơ quan lập pháp,

B. thống nhất, không có sự phân công và phối hợp giữa ba cơ quan:lập pháp, hành pháp

và tư pháp. C. không thống nhất nhưng có sự phân công và phối hợp giữa ba cơ quan:

lập pháp, hành pháp và tư pháp

D. có sự phân chia độc lập, rõ ràng giữa ba cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Câu 64. Nội dung nào dưới đây không phải là định hướng nhằm tiếp tục xây dựng và

hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

A. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự lãnh đạo của nhân dân.

B. Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước. C. Xây dựng đội ngũ cán

bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

D. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm

Câu 65. Ở Việt Nam, thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”

lần đầu tiên được nêu ra ở

A. Đại hội đại biểu toàn quốc khoá VI của Đảng (1986).

B. Hội nghị đại biểu Trung ương 3 khoá VI (1989),

C. Đại hội đại biểu toàn quốc khoá VII (1991).

D. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kì khoá VII (1994).

Câu 66. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

“Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có quyền

lợi làm chủ, thì phải có ...... làm tròn bổn phận công dân” (Hồ Chí Minh).

A. trách nhiệm.

B. nghĩa vụ.

C. trình độ để.

D. khả năng để.

Câu 67. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lí mọi mặt của đời sống xã hội

chủ yếu bằng

A, đường lối, chính sách.

B. hiến pháp, pháp luật.

C. tuyên truyền, giáo dục.

D. báo chí, truyền thông.

Câu 68. Mục tiêu nào dưới đây không phải là mục tiêu của Nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Phục vụ nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân.

B. Thực hiện đầy đủ các quyền làm chủ của nhân dân.

C. Gắn bó mật thiết với nhân dân.

D. Kiểm soát chặt chẽ mọi mặt đời sống của nhân dân.

Câu 69. Yếu tố nào dưới đây là quan trọng nhất đối với việc phát huy quyền làm chủ

của người dân?

A. Nâng cao đời sống vật chất của người dân.

B. Nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho người dân.

C. Nâng cao trình độ dân trí cho người dân.

D. Nâng cao bản lĩnh làm chủ cho người dân.

**CHƯƠNG 5 cƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Câu 1. Những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động

lẫn nhau của các cộng đồng ây tạo nên là nội dung thi khái niệm nào dưới đây?

A. Cơ cấu xã hội.

B. Dân tộc.

C. Dân cư.

D. Cộng đồng.

Câu 2. Tập hợp những cộng đồng người hình thành, phát triển theocác nghề nghiệp

khác nhau là kết quả của sự phát triển sản xuất, phân lao động là nội dung thể hiện khái

niệm nào dưới đây?

A. Cơ cấu xã hội – kinh tế.

B. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp.

C. Cơ cấu xã hội – nhân khẩu.

D. Cơ cấu xã hội - dân cư.

Câu 3. Tập hợp những cộng đồng người có cùng đức tin tôn giáo dựa trên nền tảng

giáo lí, giáo luật và thực hành các nghi lễ tôn giáo là

A. cơ cấu xã hội – kinh tế.

B. cơ cấu xã hội – tôn giáo.

C. cơ cấu xã hội – nhân khẩu.

D. cơ cấu xã hội - dân cư.

Câu 4. Tập hợp những cộng đồng người được hình thành lâu dài trong lịch sử và tương

đối ổn định, gắn kết chặt chẽ với nhau về kinh tế, lãnh thổ, văn hoá, ngôn ngữ là nội

dung thể hiện khái niệm nào dưới đây?

A. Cơ cấu xã hội – kinh tế.

B. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp.

C. Cơ cấu xã hội – nhân khẩu.

D. Cơ cấu xã hội - dân tộc.

Câu 5. Bộ phận cơ bản và quan trọng nhất trong cơ cấu xã hội, liên quan trực tiếp đến

các đảng phái chính trị, nhà nước, sở hữu tư liệu sản xuất cũng như địa vị xã hội của

con người trong hệ thống sản xuất, tổ chức lao động và phân phối lợi ích xã hội là

A. cơ cấu xã hội – giai cấp.

B, cơ cấu xã hội - nghề nghiệp.

C, cơ cấu xã hội – nhân khẩu.

D. cơ cấu xã hội - dân tộc.

Câu 6. Để dự báo xu hướng vận động và phát triển của dân số ở những giai đoạn lịch sử

nhất định và tác động của nó đến sự phát triển mọi mặt của một quốc gia, cần nghiên

cứu cơ cấu xã hội nào dưới đây?

A. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp.

B. Cơ cấu xã hội – dân số.

C. Cơ cấu xã hội – tôn giáo.

D. Cơ cấu xã hội - dân tộc.

Câu 7. Trong xã hội có giai cấp, cơ cấu nào dưới đây có vị trí quyết định nhất, chi phối

các loại hình cơ cấu xã hội khác?

A. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp.

B. Cơ cấu xã hội – dân số.

C Cơ cấu xã hội - giai cấp.

D. Cơ cấu xã hội - dân tộc.

Câu 8. Tổng thể các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã

hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản

lí quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - | xã hội,... giữa các giai cấp và tầng lớp, đó là

nội dung thể hiện khái niệm nào dưới đây?

A. Cơ cấu xã hội – kinh tế.

B. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp.

C. Cơ cấu xã hội – nhân khẩu.

D. Cơ cấu xã hội - giai cấp

Câu 9. Cơ cấu xã hội nào dưới đây đề cập tới mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về

tổ chức quản lí, về địa vị chính trị - xã hội?

A. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp.

B. Cơ cấu xã hội - dân cư.

C. Cơ cấu xã hội – tôn giáo.

D. Cơ cấu xã hội – giai cấp

Câu 10. Để xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội phù hợp cho từng

giai cấp, tầng lớp trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể cần căn cứ vào

A. cơ cấu xã hội - nghề nghiệp.

B. cơ cấu xã hội - dân cư.

C. cơ cấu xã hội – tôn giáo.

D. cơ cấu xã hội – giai cấp

Câu 11. Nội dung nào dưới đây không phải là sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã

hội - giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

A. Cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế. B. Cơ

cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.

C. Cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh,

dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai tầng trong xã hội.

D. Cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi và chịu sự tác động của sự biến đổi dân số, tôn

giáo.

Câu 12. Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội có cơ cấu xã hội – giai cấp với nhiều

giai cấp, tầng lớp khác nhau vì

A. Tồn tại nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế

B. tồn tại nhiều nghề nghiệp và phân công lao động khác nhau,

C. tồn tại nhiều đức tin tôn giáo.

D. tồn tại nhiều dân tộc khác nhau.

Câu 13. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp, tà. dưới đây giữ vai trò chủ

đạo trong cơ cấu xã hội - giai cấp

A. Công nhân

B. Nông dân..

C. Trí thức

D. Doanh nhân..

Câu 14. Sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau giữa các giai cấp, tầng lớp chủ yếu có lợi ích

cơ bản thống nhất và cũng có thể có lợi ích cơ bản đối kháng là nội dung thể hiện khái

niệm nào dưới đây?

B. Liên minh giai cấp, tầng lớp.

Câu 15. Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp gắn liền và được quy định bởi sự biến

đổi của cơ cấu nào dưới đây?

A. Cơ cấu dân số.

B. Cơ cấu kinh tế.

C. Cơ cấu dân tộc.

D. Cơ cấu dân cư.

Câu 16. Trong thời đại chuyên chính vô sản, các giai cấp vẫn tồn tại. những bộ mặt của

mỗi một giai cấp đều có thay đổi, quan hệ qua lại giữa các giai cấp cũng biến đổi. Cuộc

đấu tranh giai cấp chưa chấm dứt dưới thời chuyên chính vô sản, nó chỉ diễn biến ra

dưới những hình thức khác mà thôi” là câu nói của

A. C. Mác.

B. Ph. Ăngghen

C. VI. Lênin.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 17. Khi khẳng định “một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô

sản, đội tiên phong của người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không

phải vô sản”, V.I. Lênin muốn nói đến khái niệm nào dưới đây?

A. Chuyên chính vô sản.

B. Nhà nước.

C. Hiệp hội.

D. Công đoàn.

Câu 18. “Nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của

giai cấp vô sản, không thể nghĩ được đến việc duy chính quyền đó...” là câu nói của ai?

A. C. Mác.

B. Ph. Ăngghen.

C. V.I. Lênin.

D. Hồ Chí Minh.A. tồn tại nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế. Câu

19. Giai cấp, tầng lớp nào dưới đây được coi là “người bạn đồng minh tự nhiên” của

giai cấp công nhân?

A. Tư sản.

B. Nông dân.

C. Trí thức.

D. Doanh nhân.

Câu 20. Trong luận điểm: “Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô

sản và giới kĩ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được”, V.I. Lênin đã

nhấn mạnh tới vai trò của giai cấp, tầng lớp nào dưới đây trong khối liên minh giai

cấp?

A. Trí thức.

B. Doanh nhân.

C. Tư sản.

D. Nông dân.

Câu 21. Theo V.I. Lênin, để giai cấp vô sản giữ được vai trò lãnh đạo và chính

quyền nhà nước, nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh

giữa

A. giai cấp vô sản và tầng lớp doanh nhân.

B. giai cấp vô sản và nông dân.

C. giai cấp nông dân và giai cấp tư sản.

D. tầng lớp doanh nhân và đội ngũ trí thức.

Câu 22. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, liên minh giữa giai cấp công nhân,

giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong lĩnh vực nào dưới đây giữ vai trò quyết

định?

A. Chính trị.

B. Kinh tế.

C. Văn hoá.

D. Tư tưởng.

Câu 23. Yếu tố nào dưới đây quyết định sự liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp

nông dân và tầng lớp trí thức?

A. Mong muốn của giai cấp công nhân.

B. Cùng một kẻ thù là giai cấp tư sản.

C. Có những lợi ích cơ bản thống nhất với nhau.

D. Mục tiêu về chính trị của giai cấp công nhân.

Câu 24. Câu nói “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn

kết lại” là của

A. C. Mác.

B. Ph.Ăngghen. .

C. V.I. Lênin

D. Hồ Chí Minh.

Câu 25. Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các giai cấp, tầng lớp liên minh

với nhau trên những lĩnh vực nào dưới đây?

A. Kinh tế, chính trị, xã hội.

B. Kinh tế, chính trị, tôn giáo,

C. Kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội.

D. Kinh tế, văn hoá, xã hội.

Câu 26. Lực lượng nào dưới đây được Đảng ta coi là lực lượng chủ trương xây dựng

thành lực lượng vững mạnh?

A. Trí thức.

B. Doanh nhân

C. Thanh niên

D. Công nhân.

Câu 27. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp, tâng lớp nào dưới đây có xu

hướng giảm dần về số lượng và tỉ lệ trong cơ cấu xã hội - giai cấp?

A. Nông dân.

B. Trí thức.

C. Công nhân

D. Doanh nhân

Câu 28. Đảng ta xác định xây dựng vững mạnh giai cấp, tầng lớp nào dưới đây là trực

tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của tác nâng cao năng lực lãnh đạo của

Đảng và chất lượng hoạt động thống chính trị?

A. Trí thức.

B. Công nhân.

C. Doanh nhân.

D. Thanh niên.

Câu 29. Giai cấp, tầng lớp nào dưới đây được coi là rường cột của nước nhà, chủ nhân

tương lai của đất nước?

A. Thanh niên. .

B. Phụ nữ.

C. Trí thức.

D. Doanh nhân.

Câu 30. Xét dưới góc độ kinh tế, nội dung nào dưới đây không phải là nguyên nhân

của liên minh giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

A. Yêu cầu khách quan của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

B. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. Nhu cầu lợi ích kinh tế của các giai cấp, tầng lớp. .

D. Yêu cầu khách quan của đấu tranh giành chính quy

Câu 31. Sự biến đổi đa dạng, phức tạp của cơ cấu xã hội- giai cấp ở Việt Nam trong

thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là do

A. duy trì cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp.

B. sự đa dạng của văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng.

C. sự đa dạng về tộc người.

D. chuyển đổi cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường

Câu 32. Giai cấp, tầng lớp nào hiện nay không còn trong cơ cấu xã hội - giai cấp

ở Việt Nam?

A. Nông dân,

B, Trí thức.

C. Địa chủ,

D. Công nhân.

Câu 33. Nội dung nào dưới đây không phải là vai trò của giai cấp công nhân

A. Là giai cấp lãnh đạo. trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

ở Việt Nam?

B. Là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất

mới.

C. Là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt.

D. Là lực lượng nòng cốt trong khối liên minh giai cấp.

Câu 34. Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, giai cấp, quan trọng?

tầng lớp nào dưới đây được coi là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt

A. Nông dân.

B. Doanh nhân.

C. Trí thức.

D. Công nhân.

Câu 35. Vấn đề liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức,

được Đảng ta khẳng định lần đầu tiên tại

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (1951).

B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960).

C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976)

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982).

Câu 36. Hiện nay ở nước ta, giai cấp, tầng lớp nào dưới đây giữ vai trò lãnh đạo

khối liên minh?

A. Công nhân.

B. Doanh nhân.

C. Trí thức.

D. Nông dân.

Câu 37. Liên minh giữa các giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

phải dựa trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp, tầng lớp nào dưới đây?

A. Công nhân.

B. Doanh nhân.

C. Trí thức.

D. Nông dân.

Câu 38. Nội dung nào dưới đây không phải là nội dung chính trị của liên minh giai

cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

A. Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Bảo vệ vững chắc chế độ chính trị.

C. Tăng cường các hình thức giao lưu hợp tác liên kết giữa công nghiệp - nông

nghiệp – khoa học công nghệ.

D. Xây dựng hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Câu 39. Nội dung kinh tế xuyên suốt của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

là

A. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri

thức theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của các

tầng lớp và toàn xã hội.

C. chuyển giao và ứng dụng khoa học kĩ thuật và công nghệ hiện đại

vào sản xuất.

D. xác định đúng cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế thị

trường.

Câu 40. Nội dung nào dưới đây không phải là nội dung kinh tế của liên minh giai cấp,

tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

A. Xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của các giai

cấp, tầng lớp.

B. Xác định đúng cơ cấu kinh tế.

C. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

D. Chuyển giao và ứng dụng khoa học kĩ thuật và công nghệ hiện đại vào sản

xuất kinh doanh.

Câu 41. Cần phải giữ vững vai trò lãnh đạo của tổ chức nào dưới đây

đối với khối liên minh và toàn xã hội trên lĩnh vực chính trị trong thời kỳ quá độ lên

chủ nghĩa xã hội ở nước ta?

B. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 42. Nội dung nào dưới đây không phải là nội dung văn hoá - xã hội của liên minh

giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

A. Thực hiện xoá đói giảm nghèo.

B. Nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội.

C. Chống âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch và phản động.

D. Chống các biểu hiện tiêu cực và tệ nạn xã hội.

Câu 43. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, nội dung nào dưới đây có vai trò

quyết định đối với sự biến đổi cơ cấu xã hội?

A. Sản xuất kinh tế.

B. Sự đa dạng tộc người.

C. Đời sống văn hoá, tinh thần.

D, Tôn giáo, tín ngưỡng.

Câu 44. Nội dung nào dưới đây không phải là mục đích của việc nghiên cứu cơ cấu xã

hội - giai cấp?

A.Làm rõ vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội..

B.Nhận diện xu hướng biên đội, phát triển của các giai cấp, tầng lớp.

C. Chỉ ra xu hướng biến đổi trong quan hệ các dân tộc trên tất cả các lĩnh vực.

D.Để xây dựng hệ thống chính sách xã hội phù hợp với từng giai cấp, tầng lớp

Câu 45. Nội dung nào dưới đây là nội dung chính trị của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì

quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

A. Chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào quá trình sản xuất.

B Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí.

C. Đảm bảo các quyền dân chủ, quyền con người của công dân.

D. Nâng cao chất lượng sống cho nhân dân, thực hiện tốt an sinh xã hội.

Câu 46. Nội dung nào dưới đây không phải là phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu

xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ

nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?

A. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

B. Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội.

C. Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

D. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 47. Ở Việt Nam, vai trò của lực lượng nào dưới đây ngày càng trở nên quan trọng

trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri

thức?

A. Công nhân.

B. Nông dân.

C. Doanh nhân.

D. Trí thức.

Câu 48. Nước ta hiện nay có sự phát triển nhanh chóng cả về số lượng và quy mô với

vai trò không ngừng tăng lên gắn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa của lực lượng

A. công nhân.

B. nông dân.

C. doanh nhân.

D. trí thức.

Câu 49. Lực lượng nào ở nước ta hiện nay có sự đóng góp tích cực vào việc thực hiện

chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham

gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xoá đói, giảm nghèo?

A. Công nhân.

B. Nông dân.

C. Doanh nhân.

D. Trí thức.

Câu 50. Giữ vững lập trường chính trị – tư tưởng của giai cấp công nhân, vai trò lãnh

đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, kiên định mục tiêu con đường: độc lập dân tộc và

chủ nghĩa xã hội là nội dung của liên minh giai cấp trên lĩnh vực

A. chính trị.

B. kinh tế.

C. văn hoá.

D. xã hội

Câu 51. Thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát

triển kinh tế tri thức theo định hướng xã hội chủ nghĩa là nội dụng của liên minh giai

cấp ở Việt Nam trên lĩnh vực

A. chính trị.

B. kinh tế.

C. văn hoá.

D. xã hội.

Câu 52. Thực hiện xoá đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công

nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khoẻ và nâng cao chất

lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội là nội dung của

liên minh giai cấp ở Việt Nam trên lĩnh vực

A. chính trị.

B. kinh tế.

C. văn hoá.

D, xã hội.

**CHƯƠNG 6 VẤN ĐỀ D N TỘC TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Câu 1. Trình tự nào sau đây thể hiện chính xác quá trình phát

triển của các hình thức cộng đồng người trong lịch sử?

A. Bộ lạc – bộ tộc – thị tộc – dân tộc.

B. Bộ tộc – bộ lạc – dân tộc – thị tộc.

C. Thị tộc – bộ lạc – bộ tộc – dân tộc.

D. Thị tộc – bộ tộc – bộ lạc – dân tộc.

Câu 2 Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến việc hình thành dân tộc có sự

khác nhau giữa các khu vực trên thế giới?

A.Sự khác nhau về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên.

B Sự khác nhau về vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên.

C. Sự khác nhau về yếu tố kinh tế, xã hội và ý thức tộc người.

D. Sự khác nhau về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và ý thức tộc người.

Câu 3. Ở các nước phương Tây, dân tộc ra đời vào khoảng A. thế kỉ XI.

B. thế kỉ XII.

C. thế kỉ XIII.

D. thế kỉ XV.

Câu 4. Yếu tố nào dưới đây có ý nghĩa quyết định nhất đến sự ra đời của dân tộc ở

phương Tây?

A. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên.

B. Sự chín muồi của yếu tố tộc người.

C. Sự phát triển của lực lượng sản xuất trong sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa.

D. Sự phát triển của quan hệ sản xuất trong sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của dân tộc phương Tây gắn liền

với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản?

A. Chủ nghĩa tư bản đi chiếm các nước làm thuộc địa, mở rộng lãnh thổ.

B. Lực lượng sản xuất trong chủ nghĩa tư bản phát triển.

C. Giữa các địa phương có sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế.

D.. Ý thức tư sản phát triển mạnh mẽ dẫn đến sự hợp nhất các bộ tộc.

Câu 6. Sự phát triển của phương thức sản xuất châu Á, của chế độ sở hữu công cộng về

ruộng đất là yếu tố quyết định nhất dẫn tới sự ra các dân tộc ở

A. phương Đông.

B. khu vực Đông Bắc Á.

C. khu vực Đông Nam Á.

A. khu vực Tây Á.

Câu 7. Dân tộc ở phương Tây là loại hình dân tộc

A. tiền phong kiến.

B. hậu phong kiến.

C. tư sản.

D. hậu tư sản.

Câu 8. Sự ra đời của dân tộc chủ yếu do tác động của các yếu tố kinh tế chính trị,

văn hoá từ bên ngoài, yếu tố tộc người mờ nhạt là nội dung thể hiện sự ra đời của

các dân tộc ở

A. châu u.

B. châu Á.

C. châu Phi.

D. châu Mỹ

Câu 9. Sự hình thành của một số dân tộc ở đâu dưới đây có sự tham gia của nhóm

người nhập cư từ châu u và châu lục khác trong quá trình xâm lược thuộc địa của chủ

nghĩa đế quốc, thực dân?

A. Châu Á.

B. Châu Phi.

C. Châu Mỹ.

D. Châu Đại Dương.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây không phải là đặc điểm của dân tộc theo

nghĩa rộng?

A. Có chung một vùng lãnh thổ ổn định.

B. Mỗi vùng miền sử dụng riêng một loại ngôn ngữ.

C. Có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế.

D. Có chung nền văn hoá và tâm lí.

Câu 11. Dấu hiệu xác định không gian sinh tồn, vị trí địa lí của một dân tộc, biểu thị

vùng đất, vùng trời, vùng biển mà mỗi dân tộc được quyền sở hữu là nội dung của khái

niệm

A. lãnh thổ.

B, địa giới hành chính,

C. biên giới.

D. tổ quốc.

Câu 12. Yếu tố nào dưới đây thể hiện đầy đủ chủ quyền của một dân tộc trong tương

quan với các quốc gia dân tộc khác?

A. Biên giới.

B. Lãnh thổ.

C. Lãnh hải.

Câu 13. Nhiệm vụ nào dưới đây là nghĩa vụ và trách nhiệm cao nhất của mỗi thành

viên dân tộc?

A. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến.

C. Tham gia giải quyết các vấn đề xã hội.

D. Bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Câu 14. Đặc trưng nào dưới đây là quan trọng nhất, là cơ sở gắn kết các bộ phân,

các thành viên trong dân tộc, tạo nên tính thống nhất, ổn định, bền vững của dân

tộc?.

A. Chung một vùng lãnh thổ.

B. Chung một phương thức sinh hoạt kinh tế.

C. Chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp.

Câu 15. Trong một quốc gia có nhiều cộng đồng người, với các ngôn ngữ khác nhau,

nhưng bao giờ cũng sẽ có một ngôn ngữ chung thống nhất là nội dung thể hiện đặc

trưng nào dưới đây của quốc gia dân tộc?

A. Có ngôn ngữ viết chung.

B. Có ngôn ngữ nói riêng.

C. Có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp.

D. Có nhiều ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp.

Câu 16. Biểu hiện thông qua tâm lí, tính cách, phong tục, tập quán, lối sống của dân

tộc, tạo nên bản sắc riêng của dân tộc là nội dung thể hiện khái niệm nào dưới đây?

A. Văn hoá dân tộc.

B. Văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần.

C. Văn hoá đa quốc gia.

D. Giao lưu văn hoá.

Câu 17. Các thành viên cũng như các cộng đồng tộc người trong một dân tộc đều

chịu sự quản lý, điều khiển của

A. một tổ chức độc lập.

B. một nhà nước độc lập.

C. một đảng độc lập.

D. một xã hội độc lập.

Câu 18. Tổ chức nào dưới đây là đặc trưng cho thể chế chính trị của dân tộc, là đại

diện cho dân tộc trong quan hệ với các quốc gia dân tộc khác trên thế giới?

A. Đảng Cộng sản.

B. Mặt trận Tổ quốc.

C. Nhà nước.

D. Các đoàn thể chính trị - xã hội.

Câu 19. Tiêu chí nào dưới đây là quan trọng nhất để phân định tộc người này với tộc

người khác và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại triển của mỗi tộc người?

A. Ý thức tự giác tộc người.

B. Sự phát triển về kinh tế.

C. Sự tiến bộ trong nhận thức.

D. Sự nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Câu 20. Sự trưởng thành của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh về chủ quyền là nguyên nhân

dẫn đến việc các cộng đồng dân cư muốn

A. liên kết lại với nhau.

B. tách ra để thành dân tộc độc lập.

C. liên minh với nhau về kinh tế.

D. thể hiện tính độc lập trong phát triển kinh tế.

Câu 21. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng mục đích cao nhất của xu hướng hình

thành quốc gia dân tộc độc lập?

A. Sự trưởng thành của ý thức dân tộc.

B. Sự khẳng định về chủ quyền.

C. Sự độc lập về lựa chọn chế độ chính trị.

D. Sự độc lập về lựa chọn chế độ kinh tế.

Câu 22. Trong thời đại của chủ nghĩa tư bản, xu hướng hình thành các quốc gia dân

tộc độc lập này biểu hiện thành phong trào nào dưới đây?

A. Đấu tranh chống áp bức giai cấp.

B. Đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

C. Đấu tranh chống cưỡng bức văn hoá.

D. Đấu tranh chống áp bức dân tộc.

Câu 23. Sự thống nhất những lợi ích về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,... là nguyên

nhân dẫn tới xu hướng hình thành

A. liên hiệp các dân tộc.

B. dân tộc độc lập

C. các tổ chức kinh tế.

D, các tổ chức phi chính phủ.

Câu 24. Lí do nào dưới đây làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách , tạo nên

mối quan hệ quốc gia và quốc tế rộng lớn, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau?

A. Sự xâm lược của các nước đế quốc thực dân, phong trào đấu tranh của các nước

thuộc địa, phụ thuộc

B. Chính sách mở cửa các nhà nước trong hoạt động kinh tế.

C. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học công nghệ, giao lưukinh

tế và văn hoá.

D. Sự phát triển của khoa học công nghệ đặc biệt là lĩnh vực

giao thông vận tải.

Câu 25. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

“ Bàn về hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc, VI Lênin đã viết:.” Trong

quá trình phát triển của ......, có hai xu hướng - vấn đề ...... Cả hai xu hướng đó là quy

luật ...... của chủ nghĩa tư bản”.

A dân tộc, phát triển, dân tộc, khách quan.

B. chủ nghĩa tư bản, khách quan, dân tộc, phổ biến.

C. dân tộc, lịch sử, dân tộc, khách quan.

D. chủ nghĩa tư bản, lịch sử, dân tộc, phổ biến.

Câu 26. Mục tiêu chính trị chủ yếu của mọi quốc gia trong thời

đại ngày nay là

A. độc lập dân tộc.

B. liên kết khu vực.

C. liên minh quốc tế.

D. chủ nghĩa xã hội.

Câu 27. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin thể hiện quan điểm, lập

trường của chủ thể nào dưới đây trong giải quyết quan hệ dân tộc?

A. Nhân dân lao động.

B. Giai cấp nông dân.

C. Đội ngũ trí thức.

D. Giai cấp công nhân.

Câu 28: Nguyên tắc đầu tiên trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa

Mác - Lênin là

A. Các dân tộc có quyền tự do.

B. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

C. Các dân tộc có quyền tự quyết.

D. Liên hệ công nhận tất cả các dân tộc.

Câu 29. Tất cả mọi dân tộc (kể cả bộ tộc và chủng tộc) dù lớn hay nhỏ, dù đông người

hay ít người, dù phát triển ở trình độ cao hay - có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau...

là nội dung thể hiện quyề dưới đây của các dân tộc?

A. Bình đẳng

B. Hợp tác.

C. Tự quyết.

D. Độc lập.

Câu 30. Quyền bình đẳng của các dân tộc phải được ghi vào

A. công pháp quốc tế, luật pháp quốc gia.

B. công pháp khu vực, luật pháp quốc gia.

C. luật pháp quốc gia, quy định của từng tộc người.

D. công pháp và công ước quốc tế.

Câu 31. Khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội giữa các

dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc còn lạc hậu phát triển nhanh trên con đường tiến

bộ là điều kiện để đảm bảo việc thi hiện quyền nào dưới đây của các dân tộc trong một

quốc gia đa dân tộc.

A. Hợp tác.

B. Phát triển.

C. Bình đẳng.

D. Giao lưu.

Câu 32. Đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bá quyền nước lớn,

chống sự áp bức bóc lột, sự vi phạm lợi ích của nước lớn, nước phát triển đối với các

nước nhỏ, lạc hậu, chậm phát triển là biểu hiện của quyền

A. tự do trong quan hệ giữa các quốc gia dân tộc.

B. tự quyết trong quan hệ giữa các quốc gia dân tộc.

C. giao lưu trong quan hệ giữa các quốc gia dân tộc.

D. bình đẳng trong quan hệ giữa các quốc gia dân tộc.

Câu 33. Các dân tộc được tự do lựa chọn con đường phát triển, lựa chọn nội dung của

quyền chế độ chính trị trong quá trình vận động, phát triển của dân tộc mình là

B. dân tộc tự quyết.

C. giao lưu giữa các dân tộc.

D. hợp tác giữa các dân tộc.

Câu 34. Khi xem xét quyền tự quyết của dân tộc cần đứng vững trên

lập trường của

A. giai cấp công nhân.

C. đội ngũ trí thức.

D. đội ngũ doanh nhân.

Câu 35. Ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống lại những

mưu đồ lợi dụng vấn đề dân tộc làm chiêu bài để can thiệp công việc nội bộ của các

nước và chia rẽ dân tộc là lưu ý khi xem xét quyền

A. bình đẳng.

B. tự quyết.

.

Câu 36. Lợi ích của công nhân ở dân tộc áp bức và dân tộc bị áp bức đều thống nhất là

cơ sở khách quan của nguyên tắc nào dưới đây?

A. Các dân tộc có quyền tự do.

B. Các dân tộc có quyền tự quyết.

C. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

D. Liên hiệp công nhận tất cả các dân tộc.

Câu 37. Để thực hiện được quyền bình đẳng và quyền tự quyết một cách đúng đắn

thì các dân tộc phải thực hiện nguyên tắc

A. tôn trọng lẫn nhau trong việc giải quyết các vấn đề chính trị.

B. không can thiệp vào nội bộ của nhau.

C. đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân.

D. thành lập chính đảng vô sản và quốc gia dân tộc.

Câu 38. Nội dung nào dưới đây trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin

không chỉ là lời kêu gọi mà còn là giải pháp hữu hiệu đảm bảo việc thực hiện quyền

bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc?

A. Các dân tộc tách ra thành quốc gia độc lập.

B. Liên hiệp công nhận tất cả các dân tộc.

C. Các dân tộc liên hiệp lại với nhau.

D. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

Câu 39. Nội dung nào sau đây đóng vai trò liên kết các nội dung còn lại trong Cương

lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin thành một chỉnh thể?

A. Các dân tộc có quyền tự do.

B. Các dân tộc có quyền tự quyết.

C. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

D. Liên hiệp công nhận tất cả các dân tộc.

Câu 40. Con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh khác với các phong trào yêu

nước ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX có nội dung căn bản nào sau đây?

A. Gắn con đường giải phóng dân tộc với duy trì chế độ phong

B. Gắn giải phóng dân tộc với liên minh các nước láng giềng

C. Gắn con đường giải phóng dân tộc với cách mạng dân chủ tư sản

D. Gắn con đường giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thế giới

Câu 41. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, con đường để độc lập, tự do,

chủ quyền quốc gia là

A. cách mạng tư sản.

B. cách mạng vô sản.

C. vận động cải cách.

D. nâng cao dân trí.

Câu 42. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định mục tiêu cao nhất của cách mạng dân tộc

dân chủ ở Việt Nam là giành độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Khẳng định này xuất

phát từ cơ sở nào dưới đây”.

A. Có độc lập mới có chủ quyền lãnh thổ, nhân dân mới có tự do.

B. Độc lập tự do là nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa.

C. Cách mạng Việt Nam cần có sự ủng hộ của dân tộc quốc tế.

D. Đó là tất cả những gì Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn cho Tổ quốc, cho đồng bào

Câu 43. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mục tiêu cao nhất trong cách mạng dân tộc dân chủ

ở Việt Nam là

A. giành độc lập dân tộc.

B. xoá bỏ chế độ phong kiến.

C. giành ruộng đất cho nông dân.

D. xoá bỏ chế độ phong kiến, giải phóng người lao động.

Câu 44. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong câu nói sau của Chủ tịch Hồ Chí

Minh: “... cho đồng bào tôi, ... cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là

tất cả những điều tôi hiểu”.

A. Độc lập, tự do.

B. Tự do, độc lập.

C. Hạnh phúc, độc lập.

D. Hạnh phúc, tự do.

Câu 45. Tháng 5/1946, trước khi sang Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dặn cụ Huỳnh

Thúc Kháng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” - lấy điều không đội ứng phó với vạn điều

thay đổi để thực hiện điều không đổi. Điều không đổi được mà Chủ tịch Hồ Chí

Minh nói đến ở đây là

A. độc lập dân tộc, duy trì chế độ phong kiến.

B. độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

C. giữ mối liên hệ giữa dân tộc Việt Nam với dân tộc thế giới.

D, tinh thần khoan dung và đoàn kết các dân tộc anh em.

Câu 46. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, con đường duy nhất để dân tộc Việt Nam giành

được độc lập, nhân dân Việt Nam được tự do là

A. cách mạng vô sản.

B. cách mạng giải phóng dân tộc.

C. lật đổ giai cấp phong kiến.

D. thực hiện đấu tranh giai cấp.

Câu 47. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, điều kiện tiên quyết để tiến lên chủ nghĩa xã hội

ở Việt Nam là

A. giai cấp công nhân Việt Nam được giải phóng khỏi giai cấp tư sản

B. dân tộc Việt Nam được độc lập.

C. giai cấp nông dân Việt Nam được giải phóng khỏi chế độ phong kiến.

D. dân tộc Việt Nam nhận được sự ủng hộ của các quốc gia dân tộc trên thế giới.

Câu 48. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự gắn bó giữa độc lập dân tộc và chủ

nghĩa xã hội thống nhất với nhau ở mục đích nào dưới đây?

A. Giải phóng con người khỏi áp bức, bất công.

B. Phát triển kinh tế đất nước.

C. Mở rộng giao lưu kinh tế, văn hoá, xã hội.

D. Các dân tộc có điều kiện phát triển bình đẳng, tiến bộ

Câu 49. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, những người ở dân tộc lớn

dễ mắc bệnh A. quan liêu.

B. chủ quan.

C. kiêu ngạo.

D. hẹp hòi.

Câu 50. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, những cán bộ địa phương, nhân dân địa phương

thường không cố gắng, cái gì cũng cho mình là không làm được, bởi

A. tự ti rằng mình là dân tộc nhỏ bé.

B. tự đại dân tộc.

C. tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

D. tư tưởng dựa dẫm.

Câu 51. Dân tộc Việt Nam thuộc loại hình dân tộc

A. phong kiến.

B. tiền phong kiến.

C. tư bản.

D. tiền tư bản.

Câu 52. Nội dung nào sau đây không phải là điều kiện đưa đến sự hình thành dân

tộc Việt Nam?

A. Nhu cầu trao đổi hàng hoá giữa các vùng miện hình thành thị

trường dân tộc.

B. Sự tác động của chế độ sở hữu công cộng về ruộng đất và cỗng

xã nông thôn.

C. Yêu cầu của cuộc đấu tranh chống thiên tai, phát triển nông

nghiệp lúa nước.

D. Yêu cầu của cuộc đấu tranh chống ngoại xâm.

Câu 53. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được tiến hành vào thời điểm 0

giờ ngày 01/4/2019 theo Quyết định số 772/QĐ-TTg 26/6/2018 của Thủ tướng Chính

phủ, các dân tộc thiểu số chiếm khi | bao nhiêu phần trăm dân số Việt Nam?

A. 18 %.

B. 15,5 %.

C. 14,7 %.

D. 12,3 %.

Câu 54. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được tiến hành vào thời điểm 0

giờ ngày 01/4/2019 theo Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng

Chính phủ, dân tộc Kinh chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số Việt Nam?

A. 80 %

B. 81,3 %

C. 82,6 %

D. 85,3 %

Câu 55. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng đặc điểm của các dân

tộc ở nước ta?

A. Các dân tộc có tinh thần đoàn kết và ý thức cộng đồng sâu sắc.

B. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói và chữ viết riêng.

C. Các dân tộc có truyền thống yêu nước và tự hào dân tộc.

D. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hoá riêng.

Câu 56. Đặc điểm nào dưới đây của dân tộc Việt Nam vừa tạo cơ sở cho sự đoàn kết,

thống nhất hữu cơ giữa các dân tộc, vừa tiềm ẩn nguy cơ của những mâu thuẫn, thậm

chí sự kì thị hoặc xung đột trong quan hệ dân tộc?

A. Các dân tộc Việt Nam có địa bàn cư trú đan xen.

B. Các dân tộc Việt nam có trình độ phát triển khác nhau,

C. Các dân tộc Việt Nam có tinh thần yêu nước.

D. Các dân tộc Việt Nam có ý thức cộng đồng cao.

Câu 57. Các bản sắc văn hoá đa dạng của các dân tộc thống nhất với nhau ở nội dung cốt

lõi nào dưới đây?

A. Lòng yêu chuộng hoà bình.

B. Lòng yêu nước,

C. Tinh thần quốc tế.

D. Tinh thần vượt khó.

Câu 58. Đối với quốc gia dân tộc Việt Nam, nội dung nào dưới đây được xem là sợi

chỉ đỏ xuyên suốt đường lối chính trị của Đảng ta?

A. Độc lập dân tộc.

B. Chủ nghĩa xã hội.

C. Thực hiện đoàn kết và bình đẳng giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân

tộc Việt Nam.

D. Thực hiện quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

Câu 59. Đối với cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, tư tưởng nhất quán của Đảng là

A.Bảo đảm sự bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, nhất là các dân tộc

thiểu số.

B. Tập trung đẩy nhanh sự phát triển của dân tộc đa số, sau đó hỗ trợ phát triển

cho các dân tộc thiểu số.

C. Ưu tiên và tạo điều kiện cho những dân tộc đa số phát triển.

D. Giảm mức đầu tư cho dân tộc đa số, tập trung đẩy nhanh sự phát triển của dân

tộc thiểu số.

Câu 60. Điều từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng

định: “Độc lập dân tộc là điều kiện ...... để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã

hội là ...... bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc”.

A. quyết định, cơ sở.

B. căn bản, nền tảng.

C. tiên quyết, cơ sở.

D. tiên quyết, căn bản.

Câu 61. Một trong những mục tiêu được Đảng ta xác định trong những năm đầu đưa

miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội là làm cho

A. miền núi tiến kịp miền xuôi, cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội.

B. miền núi và miền xuôi cùng phát triển, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. số lượng cán bộ địa phương tăng lên ngang bằng với cán bộ miền xuôi.

D. các dân tộc thiểu số nhận thức đúng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 62. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ “Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn

luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng” tại Đại hội nào dưới đây?

A. Đại hội IX.

B. Đại hội X.

C. Đại hội XI.

D, Đại hội XII

Câu 63. Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với dân tộc trong giai đoạn

hiện nay được khẳng định chủ yếu tại

A. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 12/3/2003.

B. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003.

C. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 12/3/2004.

D. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2004.

Câu 64. “Đề án tổng thể phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi giai đoạn 2011 - 2030” được Chính phủ phê duyệt vào năm

A. 2017.

B. 2018.

C. 2019.

D. 2020

Câu 65. Nguyên tắc cơ bản nào dưới đây được Đảng và Nhà nước ta thực hiện. nhất

quán trong các chủ trương, chính sách về dân tộc?.

A. Đoàn kết, tập trung cho phát triển đồng bào thiểu số.

B. Đoàn kết, tập trung cho phát triển đồng bào đa số..

C. Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng phát triển.

D. Bình đẳng, đoàn kết, xây dựng đất nước theo con đường chủ nghĩa. xã hội.

Câu 66. Chính sách dân tộc của Đảng ta phải chú trọng nhất đến lĩnh vực nào dưới đây để thực

hiện bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc?

A. Chính trị.

B. Kinh tế.

C. Văn hoá - xã hội.

D. Giáo dục.

Câu 67. Nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của

vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc là nội dung thực hiện chính sách dân tộc của Đảng

ta trong lĩnh vực

A. chính trị.

B. kinh tế.

C. văn hoá – xã hội.

D. giáo dục.

Câu 68. Đổi mới cơ cấu kinh tế, thực hiện định canh, định cư, giao đất, giao rừng,

phát triển kinh tế trang trại, chuyển giao công nghệ, trao đổi dân tộc trong lĩnh vực

kinh nghiệm và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lí là nội dung của chính sách dân tộc trong

lĩnh vực

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. ngoại giao.

D, quốc phòng an ninh

Câu 69. Giải quyết tốt vấn đề đoàn kết dân tộc và quan hệ dân tộc trong mối liên hệ tộc

người, giữa các tộc người và liên quốc gia trong xu thế toàn cầu hoá là nội dung của

chính sách dân tộc trong lĩnh vực

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. ngoại giao.

D. quốc phòng, an ninh.

Câu 70. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống của các tộc người, phát triển

ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hoá cho nhân dân

các dân tộc là nội dung của chính sách dân tộc trong lĩnh vực

A. xã hội.

B. chính trị.

C. giáo dục.

D. văn hoá.

Câu 71. Đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện bình đẳng, công bằng thông qua việc thực

hiện chính sách phát triển kinh tế – xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục

trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù mỗi vùng, mỗi dân tộc là nội dung của chính sách dân

tộc trong lĩnh vực

A. xã hội.

B. chính trị.

C. giáo dục.

D. kinh tế quốc phòng, an ninh